

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/DS-ST
Ngày: 24 - 4 - 2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Nam

Bà Trịnh Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa : Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2025/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 3 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số 33/2026/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Quang L – sinh năm: 1993; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà C, đường N, tổ dân phố L, phường S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T – sinh năm: 1984; Vắng mặt

HKTT: Tổ dân phố T, phường S, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố V, phường S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2025 và quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Quang L trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 01/9/2022 ông L có cho bà Phạm Thị T vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) mục đích kinh doanh, thời gian

vay đến 06/3/2024 bà T có nghĩa vụ trả nợ, khi vay hai bên có ký giấy biên nhận tiền và thỏa thuận miệng lãi suất 20%/năm, quá trình thực hiện hợp đồng vay bà T mới trả cho ông L được 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc, ngoài ra bà T chưa trả lãi bao giờ. Đến nay bà T còn nợ lại của ông L số tiền gốc 300.000.000 đồng, mặc dù ông L đã đôn đốc nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà T vẫn không thực hiện. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của ông L, ông L đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị T phải trả cho ông số tiền 300.000.000 đồng nợ gốc, ngoài ra ông L không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Phạm Thị T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không gửi văn bản ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang L.

- Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho ông Lê Quang L số tiền nợ gốc còn lại là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

- Về án phí: Bị đơn bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp về hợp vay tài sản, theo quy định

tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn bà Phạm Thị T có nơi cư trú tại phường S, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 là đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 Nghị quyết thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm b khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn ông Lê Quang L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T, ông L

[3]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang L, yêu cầu bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả nợ cho ông số tiền 300.000.000 đồng thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, ông L đã cung cấp cho Tòa án giấy biên nhận tiền ngày 01/9/2022 có chữ ký và chữ viết của bà Phạm Thị Thu .

Mặt khác sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác để biết những vấn đề cụ thể mà ông Lê Quang L yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời được triệu tập đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự. Tuy nhiên bị đơn bà Phạm Thị T1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm bản khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, thể hiện thái độ không hợp tác khi được Tòa án triệu tập làm việc. Do bà Phạm Thị T không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào giấy biên nhận tiền, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn cho thấy bà Phạm Thị T có vay của ông Lê Quang L số tiền là 400.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 20%/năm, thời hạn trả nợ vào ngày 06 tháng 3 năm 2024. Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà T đã trả cho ông L được 100.000.000 đồng tiền gốc.

Xét thấy tại hợp đồng vay (thể hiện tại biên nhận tiền) giữa ông L và bà T được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận của hợp đồng không trái với quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Quá trình vay do bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả vốn vay, theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó ông L khởi kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả vốn vay là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về lãi suất: Hợp đồng vay có thỏa thuận miệng về lãi suất, tuy nhiên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang L

Buộc bị đơn bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho ông Lê Quang L số tiền nợ gốc còn lại là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Lê Quang L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị T chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền trên thì hàng tháng bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Trả lại cho ông Lê Quang L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003722 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Quang L, bị đơn bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Kv 4 – Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng